

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIÊN LÂM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THIÊN LÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN LAM SERVICE AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THIEN LAM SERVICE AND TRADING .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2400826154

3. Ngày thành lập: 28/11/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lót, Xã An Châu, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0972563369

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Quảng cáo	7310
2.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
3.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
4.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ băng đĩa âm thanh	4762
5.	Xuất bản phần mềm	5820
6.	Hoạt động hậu kỳ	5912
7.	Lập trình máy vi tính	6201
8.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
9.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
10.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
11.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
12.	Khai thác gỗ	0221
13.	Phá dỡ	4311
14.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
15.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, cung ứng nguồn lao động cho các doanh nghiệp khác có chức năng xuất khẩu	7830
16.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

18.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
19.	Cho thuê xe có động cơ	7710
20.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
21.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
22.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
23.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
24.	Bốc xếp hàng hóa	5224
25.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
26.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
27.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
28.	Chăn nuôi gia cầm	0146
29.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
30.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
31.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
32.	Thu gom rác thải độc hại	3812
33.	Chăn nuôi lợn	0145
34.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị âm thanh, thiết bị ngoại vi và phần mềm tin học, vi tính; Lắp đặt hệ thống camera; Bán buôn thiết bị nghe nhìn; Tivi các loại; Thiết bị âm thanh loa đài, đầu âm li; Thiết bị xử lý số; Thiết bị ánh sáng; Máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.	4659
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
37.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
38.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
39.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh gạch, ngói, gốm, sứ xây dựng không chịu lửa.	3290
40.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
41.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
42.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
43.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
44.	Bán buôn tổng hợp	4690
45.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
46.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
47.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
48.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh buôn bán sắt thép xây dựng các loại	4663
49.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222

50.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ kho vận; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất và kinh doanh.	8299(Chính)
52.	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa thiết bị điện, lắp đặt hệ thống điện	3314
53.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
55.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
56.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
57.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
58.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
59.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
60.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: Sửa chữa camera các loại	9522
61.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
62.	Sao chép bản ghi các loại	1820
63.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
64.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Kinh doanh hàng tạp hóa, giày, dép, quần áo, mỹ phẩm	4649
65.	Xây dựng nhà các loại	4100
66.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán gia súc, gia cầm, thủy hải sản.	4669
67.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
68.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
69.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
70.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
71.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
72.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
73.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
74.	Tái chế phế liệu	3830
75.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
76.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
77.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, giám sát xây dựng	7110
78.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
79.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

80.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
81.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
82.	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm; Giáo dục dự bị	8559
83.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
84.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
85.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
86.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
87.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
88.	In ấn	1811
89.	Khai thác và thu gom than non	0520
90.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
91.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
92.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
93.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
94.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621

6. Vốn điều lệ: 18.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ HỒNG SƠN	Lôt, Xã An Châu, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	720.000	7.200.000.000	40,000	121336895	
			Tổng số	720.000	7.200.000.000	40,000		
2	ĐỖ MẠNH DŨNG	Thôn Dinh Hương, Xã Đức Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	540.000	5.400.000.000	30,000	121284664	
			Tổng số	540.000	5.400.000.000	30,000		

3	NÔNG THANH TÂN	Thôn Chà, Xã An Lập, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	540.000	5.400.000.000	30,000	121535462	
			Tổng số	540.000	5.400.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ HỒNG SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 04/12/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121336895

Ngày cấp: 24/04/2015 Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Lót, Xã An Châu, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Lót, Xã An Châu, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang